TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2020/DS-PT
Ngày 14-9- 2020
V/v tranh chấp đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Ngọc Dũng
2. Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp đất đai (xác định ranh giới, mốc giới) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXPT- DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh VXA, nơi cư trú: Thôn PT, xã HT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông VXB, nơi cư trú: Thôn PT, xã HT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, (theo Giấy ủy quyền ngày 14.9,2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư BQC - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Nhất Tâm và đồng nghiệp - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2.Bị đơn: Ông LCT (tên gọi khác LXT) và vợ là bà PTN; địa chỉ: Thôn PT, xã HT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đều có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn là anh VXA.

Người kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh VXA trình bày: Năm 1997, anh A được bố đẻ là ông VXB cho diện tích 456m^2 đất, thuộc tờ bản đồ số 4, thửa đất số 381, tại thôn PT, xã HT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ngày 01 tháng 8 năm 1997, anh A được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 456m3. Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Tvà bà N (là hộ liền kề) đã lấn sang đất của anh A 15m^2 đất (tại 02 cạnh tiếp giáp với đất nhà ông T, bà N), cụ thể: Cạnh phía Đông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dài 25m nay giảm còn 17,7m; cạnh phía Đông Bắc dài 20m là đường thẳng nay là một đường gấp khúc). Anh A đã có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Vĩnh Bảo hòa giải 02 lần nhưng không đạt kết quả.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông LCT và bà PTN phải trả cho anh A 15m^2 đất, cụ thể: Tại 02 cạnh tiếp giáp với đất nhà ông T, bà N: Cạnh phía Đông dài 25m; cạnh phía Đông Bắc đường thẳng dài 20m tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 4, tại thôn PT, xã HT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K364649 của UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01/8/1997.

Bị đơn ông LCT và bà PTN thống nhất trình bày:

Ngày 14 tháng 7 năm 1997, vợ chồng ông được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K421865 đối với diện tích đất ở là 1.280m^2, tại thửa đất số 378, 379 và 380, tờ bản đồ số 04 tại thôn Phương Tường, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do gia đình ông B (bố anh A) chăn nuôi vịt, vịt đã rúc lở sâu vào phần đất của gia đình ông nên ông đã xây bờ kè giáp với đất nhà anh A để bảo vệ đất. Quá trình hai bên sử dụng đất không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2018 mới xảy ra tranh chấp, cụ thể: Lần đầu ông B cho rằng gia đình ông lấn sang đất của anh A là 07m; lần thứ hai là 05m và đòi chia đôi số đất trên. Sau đó, UBND xã Hùng Tiến đã xuống khảo sát lại đất của nhà ông và nhà ông B, anh H, anh A và đã kết luận phần đất phía trước của gia đình ông giáp đường 17B bị thiếu là 0,7m còn các cạnh khác vẫn giữ nguyên hiện trạng. Mặt khác, giáp phần đất phía sau của nhà ông hướng Tây Bắc (giáp phần đất của anh Yên) có 01 rãnh nước chiều ngang khoảng 0,6m chiều dài hơn 20m là đất lưu không giữa hai nhà nhưng ông B lại quây hết phần đất này lại và nhận đó là đất của gia đình ông B. Nay vợ chồng ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh A. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích đất thực tế hai hộ đang sử dụng và diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 02/2020/DS-ST ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164; 166; 175; 176; 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh VXA về việc yêu cầu vợ chồng ông T, bà N phải trả 15m^2 đất tại 02 cạnh tiếp giáp với đất nhà ông T, bà N, cạnh phía Đông 25m , cạnh phía Đông Bắc là đường thẳng dài 20m, tại thửa đất số 381 tờ bản đố số 4, thôn PT, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K364649 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01/8/1997.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 10/03/2020, nguyên đơn anh VXA kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do: Bản án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng; thiếu tài liệu chứng cứ, chưa làm rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn, 3 bản vẽ sơ đồ không đúng với hiện trạng sử dụng đất của ông T và anh Y; diện tích và các cạnh nhà ông T hiện trạng đang sử dụng tăng 133m^2 đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích hiện trạng và các cạnh nhà anh Y ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 64m^2, cạnh giáp giữa hai thửa đất theo giấy chứng nhận là đường thẳng nhưng hiện trạng sử dụng đất lại là dường gấp khúc; cạnh liền kề nhà ông T giáp nhà anh A trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24m nhưng trong bản vẽ hiện trạng thể hiện 17m đây là điểm lấn sang nhà anh A 3m.

Ngày 12/3/2020, Viện trưởng Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo kháng nghị: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, lý do: Việc xác minh thu thập chứng cứ không đảm bảo theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự, kết quả thẩm định tại chỗ, sơ đồ hiện trạng khác nhau và mâu thuẫn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ mục kê, bản đồ giải thửa; không thu thập toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các gia đình; không xác minh làm rõ tổng diện tích nhà ông B nên không đủ căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Việc nhận định, đánh giá chứng cứ tại bản án sơ thẩm không toàn diện, đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung sửa một phần kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm xác định lại ranh giới, mốc giới buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diên tích còn thiếu tại 02 cạnh giáp nhà bị đơn theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp cho nguyên đơn.

Bị đơn giữ nguyên lời khai tại phiên tòa sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại diện tích đất tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, do vậy thay đổi nội dung kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 309 sửa bản án dân sự phúc thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, xác định lại mốc giới hai thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn và bị đơn: Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích 8m^2 theo sơ đồ ngày 03/8/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án Tranh chấp đất đai xác định ranh giới mốc giới, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm đã xác đinh đúng và đầy đủ tư cách các đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thu thập chứng cứ: Tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với sơ đồ hiện trạng của cấp sơ thẩm đo vẽ và đề nghi Hội đồng xét xử xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất của nguyên đơn và bị đơn. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự nên Hội đồng xét xử đã dừng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ theo đúng quy định tại Điều 101, Điều 259 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Đối với việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa: Đây là phiên tòa lần thứ 4, lịch xét xử vụ án đã được tống đạt hợp lệ cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tuy nhiên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, không gửi bài phát biểu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đề nghị sửa bản sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo;

Nguyên đơn A căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Vĩnh Bảo đã cấp 456m^2 đất thể hiện tại trích đo bình đồ thửa đất tại 02 cạnh tiếp giáp với đất nhà ông T, bà Nt: Cạnh phía Đông dài 25m nhưng nay chỉ còn 17,7m; cạnh phía Đông Bắc dài 20m là đường thẳng nay là một đường gấp khúc nên nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa xác định lại ranh giới mốc giới trả lại cho nguyên đơn

diện tích đất bị đơn lấn chiếm đúng theo hai cạnh giáp ranh nhà bị đơn như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn được cấp.

Bị đơn ông T, bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A vì ông bà được cấp diện tích đất từ năm 1981. Quá trình sử dụng gia đình ông vẫn giữ nguyên hiện trạng . Năm 1997, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất là 1.280m^2 . UBND xã Hùng Tiến đã xuống khảo sát lại đất của nhà ông và nhà ông B, anh H, anh Y và đã kết luận phần đất phía trước của gia đình ông giáp đường 17B bị thiếu là 0,7m còn các cạnh khác vẫn giữ nguyên hiện trạng;

Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[4] Theo sơ đố hiện trạng sử dụng đất, hiện nay gia đình ông VXH (bố anh Y), anh VXH (anh trai anh A) và gia đình ông T bà N đều đang sử dụng diện tích lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo lời khai của ông T: Trước đây ranh giới giữa hai thửa đất của hai gia đình có con rạch, đầu trên khoảng 2m đầu dưới khoảng 10m. Tại Biên bản xác minh ngày 20/8/2020 tại UBND xã Hùng Tiến thể hiện: Theo những người dân sinh sống tại khu vực này, phía sau nhà ông H và ông T có một mương thoát nước nhưng không thể hiện trong bản đồ giải thửa. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù các gia đình ông B anh H và gia đình ông T, bà N đang sử dụng diện tích đất thừa ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các gia đình được cấp, song các gia đình đã sử dụng từ lâu và không có ai khiếu kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Vĩnh Bảo cấp chỉ có sơ đồ giải thửa và sổ mục kê năm 1995 -1996, ngoài ra không có tài liệu nào khác thể hiện hồ sơ kỹ thuật, sơ đồ đo vẽ xác định mốc giới, phần ký giáp ranh của các hộ liền kề. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Vĩnh Bảo cấp cho anh A và ông T và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn.

[6] Xét việc sử dụng đất của nguyên đơn anh VXA:

+ Theo trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Vĩnh Bảo cấp cho anh A ngày 01/8/1997 diện tích 456m^2 đất thể hiện: Cạnh phía Đông giáp ao nhà ông Trường, bà Ngát dài 25m, cạnh phía Tây giáp đất nhà anh Hưng dài 35m, cạnh phía Nam giáp đường trục xã là 15,2m; cạnh phía Đông Bắc giáp nhà ông Trường, bà Ngát dài 20m.

+ Theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/8/2020: Cạnh phía Đông giáp ao nhà ông T, bà N dài 18,5m, cạnh phía Tây giáp đất nhà ông H dài 37,8m, cạnh phía Nam giáp đường trục xã là 15,18m; cạnh phía Đông Bắc giáp nhà ông T, bà N dài 25,4m (đường gấp khúc) Tổng cộng là 448m^2.

Như vậy: Tổng diện tích đất nhà anh A hiện trạng đang sử dụng ít hơn 8m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, cụ thể: Cạnh phía Đông Bắc giáp thửa 379 nhà ông T bà N trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường thẳng 20m, theo sơ đồ hiện trạng là đường gấp khúc: 1 đoạn 12,5m và một đoạn l à 12,9 m

tổng là 25,4m, thừa ra 5,4m. Như vậy về hình thể có sự thay đổi; cạnh phía Đông giáp thửa 380 đất nhà ông Trường bà Ngát theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 25m nhưng theo sơ đồ hiện trạng là 18,5m thiếu 6,5 m.

[7] Xét việc sử dụng đất nhà ông T, bà N:

+Theo trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Vĩnh Bảo cấp cho ông LXT ngày 14/7/1997 diện tích 1280 m2 đất gồm có 3 thửa:

Thửa 378: Cạnh phía Đông dài 15,4m, cạnh phía Tây giáp hộ ông B16,1m cạnh phía Nam giáp thửa 379 đài 18,1 m, cạnh phía Bắc giáp hộ ông Tuyên dài 21,2m. Tổng diện tích là 310m^2.

Thửa 379: Cạnh phía Đông dài 27m. Cạnh phía Tây giáp hộ ông Bi 24m, cạnh phía Nam giáp thửa 380 đài 18,2 m, cạnh phía Bắc giáp thửa 378 dài 18,1. Tổng diện tích là 448m^2.

Thửa 380: Cạnh phía Đông dài 26m, cạnh phía Tây giáp hộ ông B 24m, cạnh phía Nam giáp đường trục xã dài 30,1 m, cạnh phía Bắc giáp thửa 379 dài 18,2m.Tổng diện tích là 522m^2.

+ Theo sơ đồ hiện trang sử dụng đất ngày 03/8/2920:

Thửa 378: Cạnh phía Đông dài 15,7m, cạnh phía Tây giáp hộ ông B15,24m, cạnh phía Nam giáp thửa 379 đài 22,33 m, cạnh phía Bắc giáp hộ ông T dài 24,86,m. Tổng diện tích là 373,3m^2, thừa 63,3m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa 379: Cạnh phía Đông dài 27,6m, phía Tây giáp đất của anh A là đường gấp khúc là 25,4m, cạnh phía Nam giáp thửa 380 đài 18,5 m,cạnh phía Bắc giáp thửa 378 dài 22,33m . Tổng diện tích là 508,5m^2, thừa 60,5m^2 cụ thể so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cạnh giáp đất anh A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường thẳng dài 24m nhưng hiện trạng là đường gấp khúc: 1 đoạn 12,5m và một đoạn là 12,9m tổng 25,4m, thừa ra 1,4m và thay đổi hình thể.

Thửa 380: Phía Đông dài 27,35m, cạnh phía Tây giáp đất của anh A 18,5m, cạnh phía Nam giáp đường trục xã dài 30,1 m^2,cạnh phía Bắc giáp thửa 379 dài 18,5 tổng diện tích là 521,8m^2. Cụ thể: Cạnh giáp đất anh A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24m nhưng theo hiện trạng là 18,5m, thiếu 5,5m.

Tổng diện tích 3 thửa là 1403,6 m^2 tăng so với diện tích trong giấy chứng nhận được cấp là 123,8m^2.

[8] Nguyên nhân cạnh tiếp giáp nhau của hai thửa đất: Cạnh thì thừa ra, cạnh thì thiếu đi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Avà ông T được cấp là do quá trình sử dụng đất có sự biến động; thửa đất anh A chưa xây dựng vẫn là đất trống, đất nhà ông T gồm 3 thửa liền nhau không phân biệt ranh giới và hai cạnh giáp nhau tại thửa 379 và 380 gia đình ông Trường khi sử dụng khai thác ao vườn nên khó xác định ranh giới dẫn đến ông T, bà N vô tình sử dụng sai mốc giới và hình thể. So với trích đo bình đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh A và ông T được cấp thì cạnh phìa Tây của thửa 380 phải là đường thẳng lên đến thửa 379 nhà ông T

mới đủ cạnh 24m, cạnh phía Đông Bắc đất nhà anh A kéo thẳng xuống thửa 379 nhà ông T gặp nhau tại điểm gấp khúc là đúng hình thể vị trí mốc giới trong trích đo bình đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh A và ông T.

[9] Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào sơ đồ giải thửa năm 1995 – 1996 và sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên được cấp so với sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình, xác định: Cạnh phía Đông Bắc của thửa đất nhà anh A giáp thửa số 379 nhà ông Trường từ mốc 8-7 có kích thước là 6,8m; từ 7- 6.1 có kích thước là là 5,7m, từ 6,1 đến điểm giữa 5.1 có kích thước là 5,8m, tổng cộng là 18,3m; Cạnh phía Đông nhà anh A giáp thửa 380 là cạnh phía tây nhà ông trường từ mốc số 5 - 6 có kích thước là 18, 5m và từ 6 đến điểm giữa 5.1 (thửa 379) có kích thước 5,8 m. Tổng cộng là 24,3m^2. Như vậy, xác định ông T và bà N trả lại cho anh A diện tích là 8m2 đất theo đường thẳng có mốc giới từ 6.1- 5.1 từ 5.1 -6 (đường gấp khúc) từ 6- 6.1(vị trí kích thước có sơ đồ kèm theo) là phù hợp về hình thể và diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà anh A được cấp.

[10] Theo xác định mốc giới nêu trên hai cạnh giáp nhau cạnh phía Đông Bắc nhà anh A so với hiện trạng sử dụng đất thiếu 1,5m là do quá trình khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các gia đinh, địa chính đo vẽ bằng thủ công và về hình thể chỉ tương đối là do quá trình sử dụng đất có sự biến động; nên vị trí mốc giới có xê dịch không chính xác, sự chênh lệch số đo này không đáng kể nằm trong phạm vi cho phép.

[11] Cấp sơ thẩm chưa xem xét góc cạnh của cả hai thửa 379 và 380 mà chỉ căn cứ vào cạnh phía tây tại thửa 380 của gia đình ông Trường thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện.

Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chấp nhận một phần kháng nghị của Viên Kiểm sát xác định lại mốc giới theo đó bị đơn phải tự phá dỡ tường kè ngăn, trả lại cho nguyên đơn diên tích 8,0m^2 đất tại thửa 379 tờ bản đồ số 04 thôn Phương Tường xã Hùng Tiến, Huyện Vĩnh Bảo (vị trí mốc giới có sơ đồ kềm theo) là đúng quy định của pháp luật

[12] Về án phí: Do Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo bị sửa nên nguyên đơn không phải chị án phí phúc thẩm và sửa án phí dân sự sơ thẩm theo hướng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần diện tích đất không được chấp nhận; Bị đơn ông Trường và bà Ngát là người già không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí khác: Nguyên đơn đã nộp tổng số tiền là 8.000.000đ để chi phí cho việc thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ diên tích đất tranh chấp. Do vậy ông Tg, bà N phải trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000đ theo quy định tại 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn anh VXA;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật dân sự;

Xử:

1.Ông LCT (tức LXT) và bà PTN phải tự phá dỡ tường kè ngăn trả lại cho anh NXA diên tích 8,0m^2 tại thửa 379 tờ bản đồ số 04 tại thôn Phương Tường, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng, có mốc giới từ từ 6.1 - 5.1, từ 5.1 – 6, từ 6 – 6.1 (vị trí kích thước có sơ đồ kèm theo).

Ông LCT và bà PTN tự phá dỡ đoạn tường xây kè giáp ranh theo mốc giới 6-6.1 (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

2.Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là anh VXA phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 875.000 đồng. Anh VXA đã nộp 400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 1163 ngày 04/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh VXA còn phải nộp số tiền 475.000 đồng.

Bị đơn là ông LCT (tức LXT) và bà PTN được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh VXA không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh VXA số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 8058 ngày 17/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

3.Về chi phí khác : Ông LCT và bà PTN phải trả cho anh VXA số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành ân dân sự thì người được thi hành án có quyền đề nghị thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy đinh tại các điều 6,7. 71 và 9 Luật Thi hành án Dân sự thời hiệu thi hành án dược thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy